

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 29/7/2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 170/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ *Nguyên đơn*: **Lê Thị Cẩm N**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số H, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Nhật N1**, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Số D, khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo uỷ quyền của bà N.

+ *Bị đơn*: **Liang Thị L**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số B, khu phố E, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: Khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Phạm Minh H**, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Số B, khu phố E, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Liang Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Cẩm N số tiền vốn vay còn nợ là: 962.700.000 đồng (*chín trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Thời gian và phương thức trả hai bên thống nhất thỏa thuận tại Cơ quan thi hành án.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật đến thời hạn trả nợ, khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà N nếu bà L chưa trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

Ghi nhận việc bà N không yêu cầu bà L tính lãi số tiền trên cho đến khi quyết định có hiệu pháp luật.

2.2. Bà Lê Thị Cẩm N có nghĩa vụ trả cho bà Liang Thị L bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 708688, số vào sổ cấp GCN : CS13106, thửa số 717, tờ bản đồ số 37, diện tích 309,3m<sup>2</sup> (đất trồng cây lâu năm) tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre do bà Liang Thị L đứng tên quyền sử dụng đất ngày 30/3/2022. Thời hạn bà N trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L vào ngày bà L trả xong số tiền 962.700.000 đồng cho bà N.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Liang Thị L có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là : 10.220.000 đồng (*mười triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*).

Bà Lê Thị Cẩm N có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.220.000 đồng. Do bà N đã nộp số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.500.400 đồng theo biên lai số 0004465 ngày 22/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre nên được khấu trừ. Bà N được hoàn lại số tiền là 10.280.400 đồng (*mười triệu hai tám mươi nghìn bốn trăm đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND TP. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Thúy Hằng**